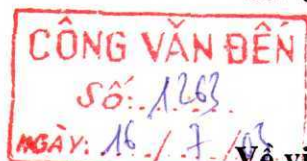


Số: 89 /2003/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 7 năm 2003



**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**  
Về việc ban hành Quy định tạm thời suất đầu tư trồng, chăm sóc rừng trồng bằng cây Mỡ bầu (kích thước bầu 7cm x 12cm, mật độ trồng 3.300 cây/ha) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Quyết định số 532/NKT ngày 15 tháng 7 năm 1988 của Bộ Lâm nghiệp về việc Ban hành tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng;

Căn cứ Quyết định số 278/QĐ-UB ngày 11 tháng 5 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Ban hành quy định tạm thời các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho trồng và chăm sóc rừng của các dự án trên địa bàn toàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-UB ngày 17 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch Nhà nước và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2003;

Thực hiện Thông báo số 11-TB/TU ngày 12 tháng 01 năm 2003 Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIII;

Xét đề nghị của liên ngành: Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại tờ trình số 247/TTr-LS ngày 06 tháng 3 năm 2003; Đề nghị của Sở Tài chính - Vật giá tại văn bản số 800/TCVG-QLVG ngày 03 tháng 7 năm 2003,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định tạm thời suất đầu tư trồng, chăm sóc rừng trồng bằng cây Mỡ bầu, có kích thước bầu 7cm x 12cm, mật độ trồng 3.300 cây/ha trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Trồng, chăm sóc rừng trong điều kiện đất nhóm 2, *thực bì nhóm 2*, cự ly đi làm từ 2 đến 3 km, độ dốc trên 30° (Công thức kỹ thuật  $F_2B_2L_3I > 30^\circ$ ):

17

- Suất đầu tư trồng rừng:	3.041.052,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ nhất:	1.624.124,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ hai:	1.286.270,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ ba:	648.262,đ/ha
<b>Tổng suất đầu tư:</b>	<b>6.599.708,đ/ha</b>

2. Trồng, chăm sóc rừng trong điều kiện đất nhóm 2, *thực bì nhóm 3*, cự ly đi làm từ 2 đến 3 km, độ dốc trên 30° (Công thức kỹ thuật  $F_2B_3L_3I>30^0$ ):

- Suất đầu tư trồng rừng:	3.163.422,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ nhất:	1.705.436,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ hai:	1.373.016,đ/ha
- Chăm sóc năm thứ ba:	729.366,đ/ha
<b>Tổng suất đầu tư:</b>	<b>6.971.240,đ/ha</b>

**Điều 2.** Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật được quy định trong suất đầu tư trồng, chăm sóc rừng nêu tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng để lập thiết kế, dự toán, thanh toán, quyết toán đối với các công trình trồng, chăm sóc rừng trồng bằng cây Mỡ bầu, có kích thước bầu 7cm x 12cm, mật độ trồng 3.300cây/ha, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Vật giá, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Giám đốc các Lâm trường, Dự án trồng rừng trên địa bàn tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Quang**

*Nơi nhận:*

- T.T Tỉnh ủy | Báo
- T.T HĐND tỉnh | cáo
- CT và các PCT UBND tỉnh
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh
- Như điều 3: Thực hiện
- Sở Tư pháp
- CV: TC-NLN- TP -TH
- Lưu: VT.